

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN  
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ: .....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên  ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Nông nghiệp; Chuyên ngành: Chăn nuôi

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

**1. Họ và tên người đăng ký:** BÙI THỊ THƠM

**2. Ngày tháng năm sinh:** 20/4/1975; Nữ  Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Phật giáo

**3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:**

**4. Quê quán** (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố):

Thôn Yên Việt, xã Đông Cứu, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh

**5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú** (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố):

Tổ 10, phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**6. Địa chỉ liên hệ** (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Bùi Thị Thom

Viện Khoa học sự sống, Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên

Điện thoại di động: 0985 382 125;

E-mail: buithithom@tuaf.edu.vn

**7. Quá trình công tác** (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 12/1998 đến 7/2004: Là giảng viên hợp đồng tại khoa Chăn nuôi thú y, trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên.

Từ năm 7/2004 đến nay: Là giảng viên Khoa Chăn nuôi thú y, trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên.

Từ năm 2004 đến 12/2008: Là chuyên viên, chủ tịch công đoàn bộ phận Phòng đào tạo trường Đại học Nông Lâm, giảng viên kiêm nhiệm tại Khoa chăn nuôi thú y, trường Đại học Nông Lâm – Đại học Thái Nguyên.

Từ năm 01/2009 đến 15/5/2019 : Là Trưởng phòng Tổng hợp, chi ủy viên chi bộ, chủ tịch công đoàn bộ phận Viện Khoa học sự sống (KHSS), Đại học Thái Nguyên; giảng viên kiêm nhiệm tại khoa Chăn nuôi thú y, Trường đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên.

Từ 16/5/2019 đến 15/8/2021 là Phó Viện trưởng, phó bí thư chi bộ, chủ tịch công đoàn bộ phận Viện Khoa học sự sống - Đại học Thái Nguyên; giảng viên kiêm nhiệm tại khoa Chăn nuôi thú y, Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên.

Từ 16/8/2021 đến nay là Viện trưởng, Bí thư chi bộ Viện khoa học sự sống - Đại học Thái Nguyên; giảng viên kiêm nhiệm tại khoa Chăn nuôi thú y, Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên.

Chức vụ: Hiện nay: Viện trưởng/ Bí thư chi bộ

Chức vụ cao nhất đã qua: Viện trưởng/ Bí thư chi bộ

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Khoa học sự sống - Đại học Thái Nguyên.

Địa chỉ cơ quan: Tô 10, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại cơ quan: 0208 3753032

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

#### **8. Đã nghỉ hưu từ tháng .....năm....: Chưa**

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): .....

#### **9. Trình độ đào tạo:**

- Được cấp bằng Đại học ngày 24 tháng 4 năm 1997; số văn bằng: B38133; ngành Chăn nuôi thú y; Nơi cấp bằng đại học: Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên, Việt Nam.

- Được cấp bằng Đại học ngoại ngữ văn bằng 2 ngày 04 tháng 02 năm 2009; số văn bằng: A190081; ngành: Tiếng Anh; Nơi cấp bằng ĐH: Viện Đại học mở Hà nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 17 tháng 3 năm 2001; số văn bằng: 18056; ngành: Khoa học nông nghiệp; chuyên ngành: Chăn nuôi; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên, Việt Nam. ..

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 10 tháng 01 năm 2012; số văn bằng: 0032; ngành: Chăn nuôi; chuyên ngành: Chăn nuôi; Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên, Việt Nam.

- Được cấp bằng tốt nghiệp Cao cấp lý luận chính trị - Hành chính, ngày 11 tháng 4 năm 2016; số văn bằng: A015433; ngành: Chính trị; chuyên ngành: cao cấp lý luận chính trị; Nơi cấp bằng: Học Viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS** ngày ... tháng.... năm .....  
ngành: .....

**11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở:**

Đại học Thái Nguyên

**12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành:**  
Nông nghiệp - Lâm nghiệp

**13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:**

- Nghiên cứu về thức ăn dinh dưỡng cho gia súc, gia cầm nhằm đảm bảo sinh trưởng, nâng cao hiệu quả chăn nuôi và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Nghiên cứu bảo tồn và phát triển nguồn gen động vật bản địa (lợn, gà địa phương khu vực miền núi phía bắc) phục vụ công tác bảo tồn và phát triển kinh tế hộ cho người dân tộc miền núi trên cơ sở phát huy lợi thế vùng miền.

- Nghiên cứu phát triển các mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm bền vững tại các địa phương khu vực miền núi phía Bắc.

**14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:**

- Đã hướng dẫn 08 HVCH bảo vệ thành công luận văn Thạc sĩ.

- Đã chủ trì hoàn thành 07 đề NCKH các cấp. Trong đó:

Đề tài NCKH cấp Trường: 03;

Đề tài cấp Đại học: 01;

Đề tài cấp Tỉnh: 02;

Đề tài cấp Nhà nước: 01;

- Đã công bố 42 bài báo khoa học, trong đó 05 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế Scopus/Sci....

- Số lượng sách đã xuất bản: Đã tham gia viết 02 giáo trình Chăn nuôi chuyên khoa (2017) và Giáo trình chăn nuôi (2020) in tại Nhà xuất bản Nông nghiệp là cơ sở xuất bản có uy tín của Việt Nam.

+ Giáo trình chăn nuôi chuyên khoa viết phần chăn nuôi lợn gồm: Chương 4, 5, 6, 7 (từ tr 83-194).

+ Giáo trình chăn nuôi viết phần chăn nuôi lợn gồm chương 5 và chương 7 (Tr.156-199; 266-281)

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: không.

### **15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):**

#### **15.1. Danh hiệu thi đua**

- Chiếu sỹ thi đua cấp cơ sở: 08 năm liền (từ năm 2008 - 2015).

- Chiếu sỹ thi đua cấp Bộ: năm học 2014 - 2015.

#### **15.2. Khen thưởng**

- 02 Giấy khen của Đại học Thái Nguyên năm 2006-2007 và 2010-2011.

- 03 Bằng khen của Trung ương đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh (2008-2009) và Bằng khen của tỉnh Thái nguyên (2010-2011) và Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012-2013).

- 01 giấy chứng nhận đạt giải nhất "Hội thi sáng tạo kỹ thuật lĩnh vực Nông Lâm nghiệp, sinh học phục vụ nông nghiệp Tỉnh Thái Nguyên lần thứ VII năm 2010".

- 01 Giấy chứng nhận đạt giải nhì Hội thi "Triển lãm sáng tạo khoa học của cán bộ giảng viên trẻ ĐHTN" của Bộ Khoa học và Công nghệ, tổ chức tại Đại học Thái Nguyên, năm 2012.

#### **15.3. Huy chương:** Huy chương vì sự nghiệp giáo dục năm 2021.

**16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):** Không

### **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ**

#### **1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:**

Là một giảng viên, tôi luôn ý thức về vai trò và tấm gương của nhà giáo và bản thân, luôn phấn đấu, rèn luyện về phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn nghiệp vụ, sức khỏe để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Trong giảng dạy tôi luôn tuân thủ các qui định, qui chế của Trường, Đại học Thái Nguyên, Bộ GD&ĐT trong giảng dạy và đánh giá sinh viên. Gương mẫu trong thực hiện nếp sống văn minh, nghĩa vụ công dân, các nội qui, qui chế của cơ quan và pháp luật của nhà nước. Tôi luôn chuẩn bị tốt bài giảng khi lên lớp. Các môn học đều được bổ sung các thông tin

mới và giảng dạy bằng phương pháp lấy người học làm Trung tâm để mọi người cùng tham gia. Bài giảng các môn học đã được xây dựng trên phần mềm vi tính Powerpoint. Tổ chức thi và kiểm tra đúng qui định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng. Thực hiện nghiêm túc qui chế thi cử, đánh giá là những việc bản thân tôi luôn thực hiện tốt. Tôi coi đó là cách tốt nhất để tôn trọng người học, đảm bảo tính công bằng cho người học, bảo vệ quyền lợi chính đáng cho sinh viên và giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo. Trong quá trình công tác, tôi luôn hoàn thành và vượt định mức số giờ chuẩn quy định.

Về nhiệm vụ hướng dẫn sinh viên làm đề tài tốt nghiệp: hàng năm tôi đều được phân công hướng dẫn sinh viên thực hiện đề tài tốt nghiệp. Trong quá trình hướng dẫn, tôi đã động viên, khích lệ các em sinh viên đề xuất các ý tưởng nghiên cứu sáng tạo nhưng gắn kết với nhu cầu thực tế của địa phương, để các đề tài vừa có ý nghĩa khoa học, vừa có ý nghĩa thực tế. Tổng số sinh viên đã hướng dẫn trong 6 năm gần đây là 35. Tất cả sinh viên đều bảo vệ thành công khóa luận tốt nghiệp và được cấp bằng. Trong đó có 01 sinh viên đạt giải khuyến khích về nghiên cứu khoa học năm 2006 tại Quyết định số 7554/QĐ-BGDĐT, ngày 22/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đối với các học viên cao học, các đề tài thực tập tốt nghiệp đã gắn kết được với điều kiện thực tế tại các địa phương, có những kết quả của đề tài được ứng dụng trong thực tế. Trong quá trình hướng dẫn, tôi luôn đồng hành cùng các học viên cao học gắn kết giữa nghiên cứu khoa học và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Trong quá trình công tác, tôi luôn cố gắng học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Đã tham gia các chương trình đào tạo và hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ; được cấp bằng Đại học ngoại ngữ Anh văn, chứng chỉ tin học IC3, chứng chỉ nghiệm vụ sư phạm; Bằng lý luận chính trị cao cấp và các chứng chỉ nghiệp vụ quản lý khác. Ngoài ra, tôi còn tham gia nhiều khóa đào tạo ngắn hạn và tự học để nâng cao trình độ chuyên môn.

*Tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư:*

- ✓ Đã có 24 năm công tác và 18 năm thâm niên giảng dạy tại Trường Đại học Nông Lâm - ĐHTN
- ✓ Các học phần đã và đang giảng dạy ở Đại học: Chăn nuôi chuyên khoa; Chăn nuôi lợn; Chăn nuôi.

- ✓ Đã hướng dẫn 35 sinh viên thực hiện đề tài thực tập tốt nghiệp và bảo vệ thành công khóa luận.
- ✓ Học phần tham gia giảng dạy ở bậc Cao học: Chăn nuôi lợn
- ✓ Đã hướng dẫn thành công 08 học viên đã bảo vệ thành công luận văn.
- ✓ Đã tham gia biên soạn 02 cuốn sách phục vụ đào tạo đại học.
- ✓ Đã chủ trì thành công 07 đề tài các cấp, trong đó có 03 đề tài cấp trường; 01 đề tài cấp Đại học; 02 đề tài cấp tỉnh; 01 đề tài cấp nhà nước đã nghiệm thu đạt loại khá và tốt.
- ✓ Đã công bố 42 bài báo trên các Tạp chí khoa học trong nước và 05 bài tại Hội thảo quốc tế và tạp chí quốc tế khác (Scopus/ ISI...).

## 2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 18 năm (2004 – 2022) và tổng cộng có 24 năm phục vụ ngành giáo dục (1998 – 2022).
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2016-2017			2 = 50 GC	3 = 45 GC	69		69/494,94 /270
2	2017-2018			1= 25 GC	9 = 135 GC	138		138/357,75/270
3	2018-2019			1= 25 GC	6 = 90 GC	198		198/304,19/270
03 năm học cuối								
4	2019-2020				5 = 75 GC	111		111/365,78/270
5	2020-2021				7 = 105 GC	60		60/415,93/270
6	2021 – 2022				5 = 75GC	60		60/369,75/270

## 3. Ngoại ngữ:

### 3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

-  Học ĐH, Tại nước: .....; Từ năm .....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Viện Đại học mở Hà Nội, Số bằng: A190081; năm cấp: 2009

c) Giảng dạy bằng tiếng nước  ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): .....

d) Đổi tượng  khác ; Diễn giải: .....

**3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):** Bằng tốt nghiệp đại học. Số bằng: A190081; năm cấp: 2009.

#### 4. Hướng dẫn HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ 2012 đến 2022	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Hà Quang Hoàn		x	x		2012-2013	Trường ĐHNL TN	QĐ số 148/QĐ-ĐHTN, ngày 11/2/2014
2	Nguyễn Thành Dũng		x	x		2014 -2015	Trường ĐHNL TN	QĐ số 237/QĐ-ĐT ngày 13/2/2015
3	Lường Thị Vịnh		x	x		2015-2016	Trường ĐHNL TN	QĐ số 1716/QĐ-ĐT ngày 30/12/2016
5	Trần Thị Đào		x	x		2016-2017	Trường ĐHNL TN	QĐ số 1868/QĐ-ĐHNL, ngày 29/12/2017
6	Dương Thị Khuyên		x		x	2017-2018	Trường ĐHNL TN	QĐ số 1788/QĐ-ĐHNL, ngày 11/12/2018
7	Dương Đức Hoan		x	x		2018-2019	Trường ĐHNL TN	QĐ số 1824/QĐ-ĐHNL, ngày 30/12/2019
8	Trần Thị Thu Hương		x	x				

**5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:**

TT	Tên sách	Loại sách (Giáo trình)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	<b>Trước khi được công nhận TS</b>						
1							
II	<b>Sau khi được công nhận TS</b>						
1	Chăn nuôi chuyên khoa	GT	NXB Nông nghiệp 2017	7	Tham gia	Chăn nuôi lợn gồm 4 chương (chương 4, 5, 6, 7; Tr. 83- 194)	Trường Đại học Nông Lâm - ĐH Thái Nguyên
2	Chăn nuôi	GT	NXB Nông nghiệp 2020	6	Tham gia	Chăn nuôi lợn gồm 2 chương (chương 5, 7; tr.156-199; 266-281)	Nông Lâm - ĐH Thái Nguyên

**6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:**

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	<b>Trước khi được công nhận TS</b>				
1	Nghiên cứu khả năng thích nghi của cỏ Alphapha trong điều kiện khí hậu miền núi với các công thức phân bón khác nhau	CN	Cấp trường T2005 - 18	2005	08/4/2006 Đạt loại tốt
2	Nghiên cứu ảnh hưởng của tỷ lệ lysine tối sinh trưởng lợn ngoại giai đoạn 18-50 kg tại Thái Nguyên”,	CN	Cấp trường T2006 - 11	2007	07/4/2007 Đạt loại khá
3	Xác định tỷ lệ protein thích hợp trên cơ sở cân đối một số axit amin thiết yếu trong thức ăn cho lợn ngoại giai đoạn sinh trưởng	TK	Cấp Bộ trọng điểm B2006 – TN03 – 14TĐ	2007-2009	11/6/2008 Đạt loại xuất sắc
4	Nghiên cứu mối quan hệ giữa các tỷ lệ protein khác nhau có cân đối một số axit amin thiết yếu với việc đào thải nitơ và lưu huỳnh trong phân, nước tiểu của lợn	CN	Cấp trường T2008 - 10	2008	07/3/2009 Đạt loại tốt

	ngoại nuôi thịt tại Thái Nguyên				
5	Hoàn thiện quy trình sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh có mức protein hợp lý được cân đối các axit amin thiết yếu góp phần phát triển chăn nuôi lợn tập trung và giảm thiểu ô nhiễm môi trường	TK	Cấp Bộ B2009 - TN 03 - 05DA	2009 - 2011	08/11/2011 Đạt loại tốt
6	Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn hướng nạc kết hợp sản xuất thức ăn hỗn hợp tại địa bàn xã Ngọc Đường - TX Hà Giang tỉnh Hà Giang"	TK	Cấp tỉnh D.AKC.HG.01 (2010)	2010-2011	22/5/2012 Đạt loại xuất sắc
<b>II</b>	<b>Sau khi được công nhận TS</b>				
1	Nghiên cứu ảnh hưởng mức protein và năng lượng trong khẩu phần ăn đến khả năng sinh trưởng, năng suất và chất lượng thịt của lợn lai F <sub>1</sub> (♂ Rừng Việt Nam x ♀ Địa phương) tại Thái Nguyên	CN	Cấp Đại học Mã số: ĐH2012-TN10-04	2012-2013	19/6/2014 Đạt loại tốt
2	Khai thác và phát triển giống gà Cáy Củm tại Cao Bằng và Hà Giang.	CN	Cấp nhà nước Mã số: NVQG-2014/15	2014-2017	Ngày 29/5/2018 Đạt loại khá
3	Bảo tồn và lưu giữ nguồn gen dê cỏ (dê Nân) Định Hóa tại Thái Nguyên	TG	Cấp tỉnh Mã số: NVKHK.31/2016	2016-2019	Ngày 30/9/2019 Đạt loại xuất sắc
4	Nghiên cứu chọn lọc giống lợn lang Đông Khê phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương	CN	Cấp tỉnh Mã số: 131/HĐ-SKHCN, ngày 9/3/2017	2017-2019	Ngày 12/6/2019 Đạt loại xuất sắc
5	Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn đặc sản (lợn rừng lai) phù hợp với điều kiện chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hà Nam	CN	Cấp tỉnh Mã số 03/2018/HĐ-NCKH&PTCN	2018 - 2020	Ngày 23/7/2021 Đạt loại tốt
6	Dự án: Sản xuất thử nghiệm gà Cáy Củm tại một số tỉnh miền núi phía Bắc	CN	Cấp nhà nước Mã số DA.05/2019-HĐ-NVQG	2019-2022	Đã nghiệm thu cấp cơ sở tại QĐ số 87/QĐ-ĐHNL-KHCN và Biên bản nghiệm thu ngày 24/2/2022

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

**7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):**

**7.1a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:**

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	<b>Trước khi được công nhận TS</b>							
1	"Nghiên cứu ảnh hưởng của tỷ lệ lysine và năng lượng trao đổi của thức ăn có các mức protein khác nhau đến sinh trưởng của lợn giai đoạn 18-50 kg".	3		Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn, số 2 tháng 2 - 2008			Tập 2, tr.41-45	2008
2	"Nghiên cứu ảnh hưởng của tỷ lệ protein và năng lượng trao đổi trên nền thức ăn có mức axit amin khác nhau đến sinh trưởng của lợn giai đoạn 18-50 kg",	3		Tạp chí khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên, số 1/2008			Tập 45, Tr.115-118	2008
3	"Nghiên cứu ảnh hưởng của tỷ lệ protein khác nhau trên cơ sở cân đối một số axit amin thiết yếu ở mức cao đến sinh trưởng của lợn ngoại giai đoạn 18-50 kg"	3		Tạp chí KHKT Chăn nuôi			Tập 4, Tr. 4-9	2008
4	"Nghiên cứu ảnh hưởng của việc giảm protein tổng số trên cơ sở cân đối ở mức thấp một số axit amin thiết yếu trong thức ăn hỗn hợp đến khả năng sinh trưởng của lợn lai thương phẩm	3	x	Tạp chí KHKT Chăn nuôi			Tập 4, Tr. 9-15	2008

	giai đoạn từ 18 - 50kg"						
5	"Nghiên cứu sử dụng axit amin tổng hợp để giảm mức protein trong khẩu phần ăn cho lợn lai thương phẩm hướng nạc nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường", <i>đạt giải ba</i> .	2			- Đạt giải 3 tại Hội nghị khoa học Công nghệ tuổi trẻ các trường Đại học và Cao đẳng khối Nông - Lâm - Ngư - Thủy toàn quốc lần thứ 4 năm 2009. - Giải nhất tại Giải thưởng sáng tạo trẻ tỉnh Thái Nguyên lần thứ VII – năm 2010, lĩnh vực Nông Lâm nghiệp, sinh học phục vụ nông nghiệp của BCH đoàn TNCS Hồ Chí minh tỉnh Thái Nguyên		2009
6	"Nghiên cứu ảnh hưởng của tỷ lệ protein khác nhau với mức 10 gam Lysine/kg thức ăn đến sinh trưởng và cho thịt của lợn ngoại lai giai đoạn 18-50 kg",	3	x		Tạp chí khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên	Tập 051 Tr.82-86	3/2009
7	"Ảnh hưởng của việc giảm mức protein thô trên cơ sở cân đối một số axit amin thiết yếu đến sinh trưởng và hiệu quả sử dụng thức ăn của lợn ngoại thương phẩm nuôi thịt"	3	x		Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Tập 13 Tr.52-57	2010

II	Sau khi được công nhận TS							
1.	Hoàn thiện quy trình sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh có tỷ lệ protein thích hợp được cân đối axit amin thiết yếu góp phần phát triển chăn nuôi lợn tập trung và giảm ô nhiễm môi trường”	3		Tạp chí KHKT Chăn nuôi			Số 10, Tr 15-22	2012
2.	Nghiên cứu ảnh hưởng của mức protein thô trong khẩu phần ăn cho lợn rừng lai nuôi thịt tại Thái Nguyên	3	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên			Số 108, Tr 179-186	2013
3.	Nghiên cứu ảnh hưởng của các mức năng lượng trao đổi trong khẩu phần ăn cho lợn rừng lai nuôi tại Thái Nguyên”.	3	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên			Tập 112, số 12, Tr. 169-175	2013
4.	Ảnh hưởng của độ dày mỡ lưng đến năng suất sinh sản của lợn nái trong chăn nuôi lợn tập trung.	3		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên			Tập 118, số 4, Tr 55-60	2014
5.	Nghiên cứu ảnh hưởng của giảm tỷ lệ protein khác nhau trong khẩu phần có cân đối một số axit amin thiết yếu tới việc đào thải ni tơ và lưu huỳnh trong phân và nước tiểu của lợn ngoại nuôi thịt.	3	x	Tạp chí Nông nghiệp & phát triển nông thôn			Tháng 6, Tr 111-116.	2014
6.	Thiết kế T-Vector p TUAF dùng trong tách dòng phân tử	5		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên			Tập 137, số 7, tr 73-77.	2015
7.	Creating Sustainable Livelihood for Ethnic People Living in Mountainous	4		Proceedings of the international conference on Livelihood Development in			November 13-15, tr 416-423	2015

	Areas by Raising Native Pigs			the Context of Climate Change (LDEM..)				
8.	Ảnh hưởng của đa hình gen prolactin và properdin đến chỉ tiêu số lợn con đẻ trên lứa của lợn nái lai F1 (Đực rừng x nái địa phương Pác Nặm).	3		Tạp chí Nông nghiệp & phát triển nông thôn			Tháng 11, Tr 129-135.	2015
9.	Khả năng sinh sản của lợn nái lai giữa lợn đực rừng Việt Nam và lợn nái VCN - MS15 nuôi tại Thái Nguyên	3		Tạp chí Nông nghiệp & phát triển nông thôn			số 24, Tr 103 - 108	2016
10.	Ảnh hưởng của kích dục tố đến sức sinh sản của lợn nái địa phương Nậm Khiêu	3		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên			Tập 158, số 13, Tr.189-196.	2016
11.	Sử dụng bã dong riêng trong khẩu phần ăn lợn thịt tại nông hộ	4	x	Tạp chí KHKT Chăn nuôi			số 216, Tr.60-66, 2/2017	2017
12.	Một số đặc điểm sinh học, khả năng sinh trưởng và năng suất, chất lượng thịt gà Cáy Củm nuôi tại Thái Nguyên.	3		Tạp chí Khoa học và Công nghệ chăn nuôi,			Số 73, tháng 3/2017, Tr.11-21.	2017
13.	Ảnh hưởng của bột lá keo giật đến năng suất và chất lượng thịt chim cút Nhật Bản nuôi tại Thái Nguyên	2		Tạp chí KHKT Chăn nuôi			Số 224, tháng 9/2017, tr 62-66	2017
14.	Chất lượng tinh dịch của gà Cáy Củm và một số yếu tố ảnh hưởng	4		Tạp chí Nông nghiệp & phát triển nông thôn			Số 10, tháng 10/2017, tr 117-123	2017
15.	Đánh giá khả năng sinh trưởng và sức sản xuất thịt của gà Cáy Củm từ 01 ngày tuổi đến 24 tuần tuổi nuôi theo hai phương thức khác nhau	3	x	Tạp chí KHKT Chăn nuôi			số 225, tháng 10/2017, tr 25-29	2017

16.	Đặc điểm ngoại hình và tình hình chăn nuôi gà Cáy Cùm tại một số tỉnh miền núi phía Bắc	2	x	Tạp chí KHKT Chăn nuôi			Số 225, tháng 10/2017, tr 20-24.	2017
17.	Phân tích tính đa dạng di truyền gà Cáy Cùm bằng chỉ thị phân tử Microsatellite	3	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên			Tập 171, số 11/2017, Tr 21 -25	2017
18.	Nghiên cứu ảnh hưởng của mức năng lượng trong khẩu phần ăn của gà Cáy Cùm nuôi thịt tại Thái Nguyên	3	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên			Tập 171, số 11/2017, Tr 153-160	2017
19.	Hiệu quả thụ tinh nhân tạo và một số yếu tố ảnh hưởng đến kết quả ấp nở gà Cáy Cùm	3		Tạp chí Nông nghiệp & phát triển nông thôn			Số 10, tháng 10/2017, tr 117-123	2018
20.	Đặc điểm lợn lang Đông Khê tại tỉnh Cao Bằng	3	x	Tạp chí KHKT Chăn nuôi			số 239, tháng 12/2018, tr 7-11	2018
21.	Đánh giá sức sản xuất của tổ hợp lai giữa gà trống Cáy Cùm với gà mái F1 (Ri x Lương Phượng) nuôi tại Thái Nguyên	3	x	Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn			Số 3+4/2019, tr 130-138	2019
22.	Khả năng sinh trưởng và hiệu quả kinh tế của lợn Lang Đông Khê nuôi thịt tại nông hộ ở điều kiện miền núi phía Bắc	3	x	Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn			Tháng 11, tr 89-93	2019
23.	Khả năng sinh trưởng của dê địa phương Định Hóa (Dê nản)	3		Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn			Tháng 11, tr 101-105	2019
24.	Năng suất sinh sản của dê địa phương (Dê Nản) Định Hóa	4		Tạp chí KHKT Chăn nuôi,			Số 250, tháng 10, tr27-31	2019
25.	Tương quan đa hình di truyền của gene POU1F1 đến tính trạng sinh trưởng	5		Tạp chí KHKT Chăn nuôi			số 264, T4, Tr 14-19.	2021

	của dê địa phương Định Hóa							
26.	Ảnh hưởng của kiểu gen POU1F1 và thức ăn bổ sung đến sinh trưởng của dê địa phương Định Hóa	4		Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn		số 9/2021, tr129-135	2021	
27.	Đánh giá năng suất và chất lượng thịt lợn lang đồng khé nuôi tại tỉnh Cao Bằng	2		Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn		số tháng 8/2021, tr.131-138	2021	
28.	Ảnh hưởng của kiểu gen của gen <i>POU1F1</i> và thức ăn bổ sung đến năng suất thịt của dê địa phương Định Hóa	4		TNU Journal of Science and Technology,		226(14): 122 - 128	2021	
29.	Improving yield and quality of wild pork and pigs in Thai Nguyen, Vietnam - and solutions to enhance competitiveness to	3	x	Alinteri Journal of Agriculture Science	Scie (Q3)	36(1): 746-752	2021	
30.	Genetic diversity and productivity of the Cay Cum chicken, special native chicken breed of Vietnam	3	x	Livestock Research for Rural ( <a href="http://www.lrrd.org/lrrd33/4/3355nguye.html">http://www.lrrd.org/lrrd33/4/3355nguye.html</a> )	Scopus (Q3)	33 (4) P.1/9-9/9	2021	
31.	Morphological and mitochondrial genome characterization of indigenous Dong Khe pig in rural areas of Northeast Vietnam	6	x	Livestock Research for Rural ( <a href="http://www.lrrd.org/lrrd33/4/3355nguye.html">http://www.lrrd.org/lrrd33/4/3355nguye.html</a> )	Scopus (Q3)	33 (6) P.1/13-13/13	2021	
32.	The enhancement of wild pig and wild pork value chain in the concept of sustainable agricultural development	4	x	Plant Cell Biotechnology and Molecular Biology	Scopus/ SCIE (Q4)	22 (P.55-56)	2021	
33.	Ảnh hưởng của phương thức chăn	3		Tạp chí KHKT Chăn nuôi		số 273, T1	2022	

	nuôi đẻ sinh trưởng và hiệu quả sử dụng thức ăn cho gà Cáy Cùm thương phẩm					(2022), Tr 58-62	
34.	Ảnh hưởng của chất lượng thức ăn đến khả năng sinh sản của gà Cáy Cùm	5		Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn		số 3+4/2022 , Tr 96- 103	2022
35.	Investigation into the performance characteristics and genomic variations associated with the rumpless phenotype of indigenous Cay Cum chicken ( <i>Gallus gallus</i> L.)	4	x	Livestock Research for Rural Development	Scopus (Q3)	34 (7) 2022, P.	2022

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 5 (30, 31, 32, 33; 34)

**7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố** (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

**7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích:** Không

**7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế** (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao): Không

**8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:**

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						

**9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:**

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thời gian đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): ...

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: .....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh  GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: .....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: .....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03  CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02  CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU  
CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 6 năm 2022

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)



**TS. Bùi Thị Thơm**